

Bản án số: **46/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/11/2018

*Về ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Ngọc, bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐST-DS ngày 24/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ: Số 47A ngõ 2 H, khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/7/2018 và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường, thị xã C, tỉnh Hải Dương ngày 23/9/2005. Vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q không chung thủy với chị

và không quan tâm đến gia đình. Chị và gia đình hai bên nhiều lần góp ý nhưng anh Q không sửa đổi nên vợ chồng thường xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, có lần còn đánh nhau. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm đến nhau về mọi mặt từ nhiều năm nay. Xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị xin ly hôn anh Q.

Chị và anh Q có ba con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T1- sinh ngày 01/12/2006, Nguyễn Thị Quỳnh M- sinh ngày 30/10/2008 và Nguyễn Chung A- sinh ngày 04/8/2011. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu T1, cháu M; anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chung A và anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 5.000.000đ/tháng.

Chị và anh Q có khối tài sản chung gồm: Diện tích 75.5m² đất ở thuộc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 24 và ngôi nhà cấp 4 lợp tôn + lán tôn trước nhà xây dựng trên đất; vị trí nhà đất: Số 47A ngõ 2 H, khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương và số tiền 708.620.937đ gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch T của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Hải Dương (NH T). Chị đề nghị chia đôi trị giá tài sản chung; đề nghị để anh Q được sở hữu, sử dụng nhà, đất và chị được sở hữu số tiền tiết kiệm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2018, bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn hợp pháp nhưng quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh không chung thủy và chị T không cho anh cơ hội để sửa đổi. Vợ chồng không nói chuyện hoà hợp được với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Tình trạng này kéo dài mà không có biện pháp khắc phục nên cuộc sống căng thẳng, mệt mỏi. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng anh không muốn ly hôn chị T.

Anh và chị T có ba con chung như chị T trình bày ở trên. Nếu ly hôn, anh tôn trọng nguyện vọng của các con, các con xin ở với ai thì người đó được nuôi. Người không nuôi con thì phải đóng góp tiền nuôi con cho người kia theo quy định của pháp luật.

Anh và chị T có khối tài sản chung gồm: Diện tích 75.5m² đất ở thuộc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 24 và ngôi nhà cấp 4 lợp tôn xây dựng trên đất; vị trí nhà đất: Số 47A ngõ 2 H, khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Anh đề nghị để lại nhà đất cho cháu Chung A, khi cháu Chung A đủ 18 tuổi thì sẽ làm thủ tục sang tên cho cháu. Số tiền 1.500.000.000đ gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP C chi nhánh Hải Dương (NH C) đứng tên chị T. Anh đề nghị chia đôi số tiền trên, mỗi người hưởng một nửa.

Qua xác minh, NH C phản ánh chị T không gửi tiết kiệm tại NH C; NH T xác nhận chị T có gửi tiết kiệm tại NH T.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Q và đề nghị được nuôi hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T1, Nguyễn Thị Quỳnh M; anh Q nuôi con chung là Nguyễn Chung A và anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu M với mức 5.000.000đ/tháng. Chị T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

- Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.
- Giao hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T1, Nguyễn Thị Quỳnh M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Chung A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M là 1.400.000đ/tháng cho đến khi cháu thành niên.
- Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc chia tài sản chung.
- Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác định cuộc sống chung không hoà hợp do anh Q không chung thủy với chị T; vợ chồng không quan tâm đến nhau về mọi mặt trong thời gian dài nhưng không có biện pháp khắc phục làm cho cuộc sống căng thẳng, ngột ngạt. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh Q. Mặc dù không nhất trí ly hôn nhưng anh Q cũng không có biện pháp khắc phục

mâu thuẫn vợ chồng. Toà án đã tổ chức hoà giải nhưng anh Q vắng mặt không có lý do thể hiện anh không có thiện chí đoàn tụ với chị T. Xác định hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T đã thỏa mãn các căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có ba con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T1- sinh ngày 01/12/2006, Nguyễn Thị Quỳnh M- sinh ngày 30/10/2008 và Nguyễn Chung A- sinh ngày 04/8/2011. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu M. Anh Q có quan điểm các cháu xin ở với ai thì người đó được nuôi. Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, cháu T1 và cháu M đều có nguyện vọng được ở cùng chị T; cháu Chung A có nguyện vọng được ở cùng anh Q. Mặt khác, cháu T1 và cháu M là con gái, đang trong độ tuổi phát triển nên cần có sự quan tâm, chỉ bảo của người mẹ nhiều hơn. Vì vậy HĐXX giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, cháu M; giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chung A. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Xét chị T phải nuôi hai con chung, anh Q nuôi một con chung nên yêu cầu của chị T về việc anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu M là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào điều kiện sinh hoạt tại địa phương và công việc của anh Q (là lao động tự do), HĐXX buộc anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M hàng tháng với mức 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu thành niên.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị T rút yêu cầu chia tài sản chung là sổ tiền tiết kiệm và nhà, đất thuộc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 24 tại số 47A ngõ 2 H, khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Xét việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T1- sinh ngày 01/12/2006 và Nguyễn Thị Quỳnh M- sinh ngày 30/10/2008. Giao cho anh Nguyễn Văn Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Chung A- sinh ngày 04/8/2011. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Quỳnh M là 1.000.000đ/tháng (*một triệu đồng một tháng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị T có yêu cầu cho đến khi cháu M thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về chia tài sản chung là số tiền tiết kiệm; diện tích 75.5m² đất ở thuộc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 24 và các công trình xây dựng trên đất; vị trí nhà, đất: Số 47A ngõ 2 H, khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*giấy tờ về tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 282064, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00058 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 13/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T*).

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.300.000đ (gồm 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0002355 ngày 06/6/2018; 12.000.000đ theo biên lai số AA/2017/0002356 ngày 06/6/2018 và 16.000.000đ theo biên lai số AA/2017/0002525 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Hoàn trả chị T số tiền chênh lệch là 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu đồng*).

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2018). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Cộng Hoà, TX Chí Linh, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy